

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-3-2025  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Lê Văn Minh

2/ Ông Nguyễn Đức Duy

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 682/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* **Lê Thị C**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: ấp QP, xã NQ, thị xã CL, tỉnh TG.

*- Bị đơn:* **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh TG.

(Chị C có đơn xin vắng mặt; anh M vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Nguyễn Văn M tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2012, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, anh M thường xuyên uống rượu không lo làm ăn. Vợ chồng đã sống ly thân cách nay khoảng 06 tháng. Nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 17/01/2015. Hiện con đang sống cùng chị C. Khi ly hôn chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không yêu cầu.

*\* Bị đơn anh Nguyễn Văn M dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định; bị đơn không thực hiện đúng theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, 9, 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 17/01/2015 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] – Về tố tụng:** Nguyên đơn chị Lê Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn M dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

**[2] – Về nội dung yêu cầu:** Chị Lê Thị C yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị C và anh M xác lập hôn nhân vào năm 2012 là tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị C và anh M có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, do vậy căn cứ vào điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn M.

[2.2] Về con chung: Chị C và anh M có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 17/01/2015. Xét thấy, cháu Q hiện đang sống cùng chị C, được chị C chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, nguyện vọng của cháu là muốn được sống cùng chị C. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho cháu, tránh làm xáo trộn môi trường sống và học tập của cháu, Hội đồng xét xử cần giao cháu Q cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3]** Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

**[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị C phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, 9, 14, 15 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn M.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 17/01/2015 cho chị Lê Thị C tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

2/ Về án phí: Chị Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0012119 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

*Nơi nhận:*

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Chinh**